

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 130/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-10-2019
V/v Tranh chấp về ly hôn, nuôi
con và nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trường Tam.
2. Ông Nguyễn Thái Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và nợ chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Q, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ô 1/146, khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ô 5/170A, khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1/ Chị Trần Thị Giang L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ 20, ấp L, xã K, huyện B, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.2/ Anh Phạm Văn C, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ô 5/210, khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.3/ Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAISON.

Địa chỉ: Tầng 8, 9, 10 Tòa nhà Gilimex, số 24C, Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thiên T, chức vụ: Giám đốc Thu hồi nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thiên Thanh là anh Trần Duy H, sinh năm 1994, chức vụ: Chuyên viên Pháp lý tố tụng. Địa chỉ: Thôn KTM S, xã X, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (văn bản ủy quyền ngày 02-8-2019) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lần hòa giải nguyên đơn anh Trần Văn Q trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Kim Y chung sống với nhau vào năm 2006, có tìm hiểu trước khoảng 03 năm, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới nhưng có làm lễ tuyên bố cho gia đình hai bên biết và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn G, huyện D vào ngày 08-01-2007. Ngày làm lễ tuyên bố gia đình anh không có cho chị Y nữ trang. Sau đó, vợ chồng anh về nhà của cha mẹ anh tại Ô 1/146, khu phố A, thị trấn G, huyện G sinh sống và làm ăn.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng anh chung sống không hạnh phúc và thường xảy ra cãi nhau do chị Y không tôn trọng anh, làm việc gì cũng tự mình quyết định mà không thông báo hay hỏi ý kiến của anh. Những việc trong gia đình có liên quan đến tiền bạc cũng làm phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng do tự ý chị Y mượn tiền của người khác mà không thông qua ý kiến của anh. Đến cuối tháng 5-2019 anh bỏ nhà của gia đình chị Y về nhà của cha mẹ ruột anh sống cho đến nay, vợ chồng anh ly thân nhau từ thời gian này. Kể từ ngày ly thân vợ chồng anh không gặp mặt và không liên lạc để bàn bạc việc đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Y.

Về con chung: Anh chị có 02 người con tên Trần Gia H và Trần Gia N, sinh cùng ngày 03-5-2007. Hiện cháu H và cháu N đang sống với anh nên anh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu và không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện anh đang làm nghề tài xế lái xe ô tô với mức thu nhập trung bình khoảng 7.000.000 đồng/tháng nên có khả năng nuôi được 02 con.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh có 01 chiếc xe honda hiệu Vision với biển số 70F1-536.40 do chị Y đứng tên, quản lý và sử dụng. Anh không yêu cầu giải quyết đối với tài sản chung này để vợ chồng anh tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Vợ chồng anh chung sống có nợ tiền hụi của chị Trần Thị Giang L là 53.000.000 đồng, nhưng chị L rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ này nên anh không yêu cầu giải quyết.

Đối với khoản nợ mà chị Y khai là nợ chung của vợ chồng anh gồm nợ anh Phạm Văn C số tiền vay là 5.000.000 đồng và nợ Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAISON (sau đây gọi tắt là HD SAISON) số tiền vay gốc, lãi là 41.814.577 đồng thì anh không đồng ý, vì đây là nợ riêng của chị Y và anh không biết đến nên anh không đồng ý có nghĩa vụ cùng chị Y trả 02 khoản nợ này.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Y trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh Q về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng chị là do anh Q có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng lại nói là bạn bè với nhau. Anh Q tự gây ra nợ và kêu chị mượn tiền để trả nợ, nhưng khi phát sinh ra nợ thì vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn và anh Q bỏ về nhà cha mẹ chồng chị sống từ cuối tháng 5-2019 cho đến nay. Kể từ ngày ly thân vợ chồng chị không gặp mặt nhau để bàn bạc việc đoàn tụ. Hiện nay tình cảm vợ chồng chị đã không còn nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con tên Trần Gia H và Trần Gia N, sinh cùng ngày 03-5-2007 hiện đang sống với anh Q, nên chị đồng ý giao 02 con cho anh Q được tiếp tục nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có 01 chiếc xe honda hiệu Vision với biển số 70F1-536.40 như anh Q đã trình bày. Chị không yêu cầu giải quyết tài sản chung này để vợ chồng chị tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Vợ chồng chị chung sống có nợ tiền hụi của chị L là 53.000.000 đồng, tiền vay của anh C là 5.000.000 đồng và tiền vay gốc, lãi của HD SAISON là 41.814.577 đồng. Tuy nhiên, chị L và anh C rút yêu cầu khởi kiện nên chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với tiền vay của HD SAISON do cần tiền để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình, lo cho con ăn học và mua quần áo cho con nên ngày 23-10-2018 chị có ký hợp đồng để vay của HD SAISON số tiền 57.000.000 đồng, hàng tháng chị vẫn đóng tiền đầy đủ cho đến tháng 6-2019 không có tiền nên chị ngưng không đóng cho đến nay. Hiện chị còn nợ HD SAISON số tiền vay gốc và lãi là 41.814.577 đồng. Tại phiên tòa chị tự nguyện đồng ý một mình chị có nghĩa vụ trả cho HD SAISON số tiền nợ, nhưng chị yêu cầu Tòa án xem xét để xác định khoản nợ này là nợ chung của vợ chồng chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Giang L trình bày:

Vợ chồng anh Q có tham gia 03 dây hụi 1.000.000 đồng/tháng do chị làm chủ hụi gồm:

Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10-4-2018 dương lịch, mãn ngày 10-01-2020 dương lịch, gồm 22 phần và vợ chồng anh Q tham gia 02 phần. Ngày 10-4-2018 và ngày 10-9-2018 vợ chồng anh Q đều kêu để hốt 02 phần hụi trên. Tính từ tháng 5-2019 đến khi mãn hụi thì vợ chồng anh Q nợ là 09 kỳ hụi chết x 1.000.000 đồng/kỳ x 02 phần hụi chết = 18.000.000 đồng.

Dây hội thứ hai: Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 12-5-2018 dương lịch, mãn ngày 12-10-2020 dương lịch, gồm 29 phần và vợ chồng anh Q tham gia 01 phần. Đến ngày 12-10-2018 vợ chồng anh Q kêu hội hốt và tính từ tháng 5-2019 đến khi mãn hội thì vợ chồng anh Q nợ là 18 kỳ hội chết x 1.000.000 đồng/01 kỳ x 01 phần hội chết = 18.000.000 đồng.

Ngoài ra, vợ chồng anh Q có nhờ chị tham gia 01 phần hội trong dây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 12-01-2018 dương lịch, mãn ngày 12-12-2019 dương lịch, gồm 24 phần. Đến năm 2018 (không nhớ ngày tháng) vợ chồng anh Q nhờ chị hốt phần hội này giùm và tính từ tháng 5-2019 đến mãn hội thì vợ chồng anh Q nợ là 08 kỳ hội chết x 2.000.000 đồng/01 kỳ x 01 phần hội chết = 16.000.000 đồng.

Bên cạnh đó, vợ chồng anh Q có mượn của chị số tiền 5.000.000 đồng vào tháng 12-2018 (không nhớ ngày) để lo công việc trong gia đình nên chị không lấy lãi, khi mượn tiền thì hai bên không làm giấy tờ và hẹn 03 tháng sau sẽ trả lại. Tuy nhiên, cho đến nay vợ chồng anh Q vẫn chưa trả cho chị số tiền nợ này.

Tổng cộng vợ chồng anh Q còn nợ chị số tiền là 57.000.000 đồng, bao gồm: tiền hội là 36.000.000 đồng, tiền nhờ tham gia hội là 16.000.000 đồng và tiền vay là 5.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện và tại phiên hòa giải chị xác định chỉ yêu cầu vợ chồng anh Q phải trả số tiền hội là 53.000.000 đồng. Đến ngày 13-9-2019 chị rút yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu giải quyết đối với khoản nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn C trình bày:

Vào ngày 25-12-2018 anh có cho trực tiếp chị Y vay số tiền 5.000.000 đồng để lo chuyện trong gia đình, hai bên thỏa thuận lãi là 500.000 đồng/tháng với thời hạn vay là 03 tháng, khi vay hai bên có làm giấy nợ do chị Y ký và chị Yến trực tiếp nhận tiền. Sau đó, chị Y có trả cho anh được 03 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 1.500.000 đồng và do hoàn cảnh gia đình đang khó khăn nên chị Y chưa trả lại số tiền vay cho đến nay. Theo đơn khởi kiện anh yêu cầu vợ chồng anh Q phải trả số tiền vay còn nợ là 5.000.000 đồng. Đến ngày 13-9-2019 anh rút yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu giải quyết đối với khoản nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAISON do anh Trần Duy H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 23-10-2018 HD SAISON và chị Y đã ký Đề nghị cấp tín dụng, kèm hợp đồng tín dụng số CR011782248. Theo đó, HD SAISON đồng ý cấp tính dụng cho chị Y với số tiền là 57.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu dùng, khi vay chị Y không có thể chấp tài sản, lãi suất là 3,18%/tháng với thời hạn vay là 18 tháng phải hết cả nợ gốc, lãi và hàng tháng vào ngày 15 hàng tháng chị Y có nghĩa vụ thanh toán cho HD SAISON số tiền là 4.289.500 đồng. Tính đến tháng 5-2019 chị Y đã thanh toán cho HD SAISON được 07 kỳ trả góp với số tiền 29.946.000 đồng). Kể từ tháng 6-2019 chị Y ngưng thanh toán cho đến nay và HD SAISON đã nhiều lần gọi điện thoại nhắc nhở chị Yến trả nợ, nhưng chị Y cho rằng vợ chồng đang ly hôn nên không có khả năng thanh toán được nợ cho HD SAISON. Do chị Y vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ hàng tháng nên ngày 20-8-2019 HD SAISON có ra Thông báo số

190820-01/COL-HDSAISON để thông báo cho chị Y biết HD SAISON yêu cầu thu hồi nợ trước hạn, nhưng đến nay chị Y vẫn chưa trả nợ cho HD SAISON.

Do chị Y đang gặp hoàn cảnh khó khăn nên HD SAISON đồng ý giảm cho chị Y một phần khoản nợ và HD SAISON chỉ yêu cầu chị Y phải thanh toán số tiền nợ là 41.814.577 đồng, bao gồm: tiền vay gốc là 37.505.661 đồng, tiền lãi chưa thanh toán theo hợp đồng là 3.307.487 đồng và tiền lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.001.429 đồng. Đối với các khoản lãi và phí phát sinh khác thì HD SAISON không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Chị Y là người trực tiếp ký vay của HD SAISON nhằm mục đích tiêu dùng và anh Q không có liên quan đến khoản vay này. Vì vậy, HD SAISON xác định khoản nợ này là nợ riêng của chị Y nên HD SAISON chỉ yêu cầu một mình chị Y có nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa và người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 37, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự và các điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q đối với chị Y; về con chung: Giao cháu Trần Gia H và cháu Trần Gia N, sinh cùng ngày 03-5-2007 cho anh Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận anh Q không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết và nợ chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị L đối với số tiền nợ hui là 53.000.000 đồng, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh C đối với số tiền nợ vay là 5.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của HD SAISON, buộc một mình chị Y có trách nhiệm trả cho HD SAISON số tiền vay gốc và lãi là 41.814.577 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị L và anh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Theo đơn khởi kiện cùng ngày 17-6-2019 chị L yêu cầu vợ chồng anh Q phải trả số tiền nợ hui là 53.000.000 đồng và anh C yêu cầu vợ chồng anh Q phải trả số tiền nợ vay là 5.000.000 đồng. Cùng ngày 13-9-2019 chị L và anh C đều có đơn rút yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu

khởi kiện của chị L và anh C, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho chị L và anh C là phù hợp với các điều 217, 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Q và chị Y chung sống với nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn G, huyện G. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay anh Q có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Q thì thấy: Mâu thuẫn của anh chị phát sinh từ việc anh Q và chị Y chung sống không hạnh phúc do không tin tưởng lẫn nhau trong những vấn đề có liên quan đến tiền bạc. Chị Y ghen tuông mà cho rằng anh Q có người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn nên anh Q yêu cầu ly hôn. Anh chị ly thân từ cuối tháng 5-2019 mà không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không gặp nhau để bàn bạc việc đoàn tụ. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được và chị Y cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Q nên Hội đồng xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh chị là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Trần Gia H và Trần Gia N, sinh cùng ngày 03-5-2007. Anh chị thỏa thuận giao cho anh Q được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận của anh chị là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và cháu N đều muốn sống với anh Q, nên Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Anh Q cho rằng vợ chồng anh có nợ chị L số tiền hui là 53.000.000 đồng và không nợ ai khác. Ngược lại, chị Y cho rằng vợ chồng chị có nợ chị L số tiền hui là 53.000.000 đồng, anh C số tiền vay là 5.000.000 đồng và HD SAISON số tiền vay gốc, lãi là 41.814.577 đồng.

Đối với khoản nợ của chị L và anh C: Do chị L và anh C đều có đơn rút yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện và không xem xét để xác định đây là nợ chung hay nợ riêng của vợ chồng anh Q.

Đối với khoản nợ của HD SAISON: Chị Y thừa nhận có vay của HD SAISON và hiện còn nợ số tiền vay gốc, lãi là 41.814.577 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận khoản nợ này và chỉ xem xét, xác định khoản nợ này là nợ chung hay nợ riêng. Xét thấy, tuy chỉ một mình chị Y đứng tên vay trong hợp đồng với mục đích tiêu dùng nhưng khoản vay này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng chị. Thực tế, chị Y vay tiền của HD SAISON để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình như ăn uống, điện nước và học hành cho 02 con. Ngược lại, anh Q lại cho rằng chi phí sinh hoạt trong gia đình đều lấy từ tiền hui của chị L và tiền thu nhập của nghề tài xế nên anh không biết chị Y có vay tiền của HD SAISON và không đồng ý trả nợ. Tuy nhiên, theo lời trình bày của anh Q thì thu nhập từ nghề lái xe của anh vào trước tháng 10-2018 là không ổn định, chỉ khoảng 5.000.000 đồng/tháng và sau

tháng 10-2018 thu nhập bắt đầu ổn định từ khoảng 7.500.000 đồng/tháng đến 8.000.000 đồng/tháng nhưng hàng tháng anh Q phải đóng hụi chết cho chị L 5.000.000 đồng, số tiền thu nhập còn lại mà anh Q giao chị Y từ khoảng 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng và chị Y còn phải đưa lại cho anh Q tiền sinh hoạt mỗi ngày từ khoảng 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Chị Y có thu nhập từ nghề làm móng dạo chỉ khoảng 4.000.000 đồng/tháng và hàng tháng chị Yến còn phải đóng tiền trả cho HD SAISON với 07 kỳ là 29.946.000 đồng nên không đủ tiền để lo chi tiêu trong gia đình. Vì vậy, lời trình bày của chị Y là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận và xác định khoản nợ gốc, lãi của HD SAISON với số tiền 41.814.577 đồng là nợ chung của anh Q, chị Y. Tại phiên tòa chị Y tự nguyện đồng ý để một mình chị có nghĩa vụ trả số nợ trên theo như yêu cầu khởi kiện của HD SAISON nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là phù hợp với các điều 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình và các điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Ghi nhận HD SAISON không yêu cầu chị Yến phải trả các khoản lãi và phí phát sinh.

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Anh Q và chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 217, 219 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; các điều 37, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn Q và chị Nguyễn Thị Kim Y.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cho anh Q có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Gia H và cháu Trần Gia N, sinh cùng ngày 03-5-2007. Ghi nhận anh Q không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

3. Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAISON.

Buộc chị Y có nghĩa vụ trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn HD SAISON số tiền là 41.814.577 đồng (*Bốn mươi một triệu tám trăm mười bốn nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng*), bao gồm: tiền vay gốc là 37.505.661 đồng, tiền lãi chưa thanh toán theo hợp đồng là 3.307.487 đồng và tiền lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.001.429 đồng.

Ghi nhận Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAISON không yêu cầu chị Yến phải trả các khoản lãi và phí phát sinh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện:

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Giang L về việc yêu cầu anh Q và chị Y phải trả số tiền nợ hui là 53.000.000 đồng (*Năm mươi ba triệu đồng*).

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn C về việc yêu cầu anh Q và chị Y phải trả số tiền nợ vay là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

5. Về án phí:

Anh Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (đối với yêu cầu về ly hôn), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Q đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009249 ngày 28 tháng 5 năm 2019. Ghi nhận anh Q đã nộp xong tiền án phí.

Chị Y phải chịu 2.090.800 đồng (*Hai triệu không trăm chín mươi nghìn tám trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm (đối với yêu cầu về nợ chung).

Hoàn trả cho chị Trần Thị Giang L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.325.000 đồng (*Một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009338 ngày 18 tháng 6 năm 2019.

Hoàn trả cho anh Phạm Văn C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009355 ngày 20 tháng 6 năm 2019.

Hoàn trả cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAISON số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.045.000 đồng (*Một triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009606 ngày 23 tháng 8 năm 2019.

Tất cả các biên lai thu trên đều của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND Thị trấn G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tuấn Anh